

Số: 15 /QĐ-CTHADS

Hà Giang, ngày 09 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1841, 1842/QĐ-TCTHADS ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Tổng Cục Thi hành án dân sự, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Công văn số 5249/TCTHADS-KHTC ngày 30/12/2024 của Tổng Cục Thi hành án dân sự về việc thông báo chi tiết một số nội dung giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Chánh Văn Phòng, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang (theo biểu chi tiết đính kèm).

Hình thức công khai: Thực hiện công khai qua trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Kế toán hành chính Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang và Chi cục trưởng chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ KHTC – TCTHADS;
- Trang thông tin điện tử;
- Phó Cục trưởng;
- Lưu: KT, VT.



Q. CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Huyền

TÒNG CỤC THỊ HẠNH AN DÂN SỰ
CỤC THỊ HẠNH AN DÂN SỰ TỈNH HÀ GIANG



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 15/QĐ-CTHADS ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Cục THADS tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	TRONG ĐÓ															
				VP cục	Thành phố	Vị Xuyên	Bắc Quang	Quang Bình	Quản Bạ	Yên Minh	Đông Văn	Mèo Vạc	Bắc Mê	Xin Mần	H.Su Phi				
	Tổng số thu, chi, nộp, NS phí, lệ phí																		
1	Số thu phí, lệ phí	183.000	183.000	0	109.000	6.000	35.000	2.000	15.000	10.000	1.000	0	2.000	3.000	0				
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại (55%)	100.650	100.650	0	59.950	3.300	19.250	1.100	8.250	5.500	550	0	1.100	1.650	0				
2	Số phí nộp NSNN	45.750	45.750	0	27.250	1.500	8.750	500	3.750	2.500	250	0	500	750	0				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.669.641	33.669.641	8.073.419	3.432.438	2.399.227	3.726.142	1.878.111	1.664.610	1.588.818	3.244.776	1.893.117	1.868.474	2.016.946	1.883.563				
1	Chi quản lý hành chính	33.669.641	33.669.641	8.073.419	3.432.438	2.399.227	3.726.142	1.878.111	1.664.610	1.588.818	3.244.776	1.893.117	1.868.474	2.016.946	1.883.563				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chi	30.101.052	30.101.052	7.390.630	3.129.938	2.275.727	2.776.842	1.800.811	1.573.410	1.478.218	2.286.676	1.845.817	1.818.674	1.961.046	1.763.263				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chi		3.568.589	682.789	302.500	123.500	949.300	77.300	91.200	110.600	958.100	47.300	49.800	55.900	120.300				
	(Trong đó: Quy tiên thường, Mã tính chất nguồn 18)	1.007.600	1.007.600	269.800	115.500	83.500	104.300	62.300	54.200	50.600	54.100	47.300	49.800	55.900	60.300				

(Handwritten mark)